TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 596 /2023/HS-PT
Ngày: 23 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 386/2023/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023, đối với các bị cáo Nguyễn Hoanh T, Nguyễn Văn T1, Ath Bunh H (Võ Phước H1) và Hồng Đ (Võ Văn Đ1), do các bị cáo có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hoanh T**,** sinh ngày: 06/6/1986 tại Campuchia; Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm:1953 và bà Võ Thị N1, sinh năm: 1955; A, chị, em: Có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; Vợ: Đỗ Thị Mỹ H2, sinh năm: 1983; Có 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2021 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh A; có mặt.

2. Nguyễn Văn T1, sinh ngày: 08/8/1988 tại huyện A, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1953 và bà Võ Thị N1, sinh năm: 1955; A, chị, em: Có 02 người, bị cáo là người thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1988; 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền

sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2021 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh A; có mặt.

3. Ath B **(**Võ Phước H1**),** sinh năm: 1983 tại Campuchia; Nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện K, tỉnh Kadal, V Campuchia; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Campuchia; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Trình độ học vấn: Biết đọc và viết tiếng Việt Nam; con ông Võ Văn T2, sinh năm: 1959 và bà Dương Thị Ệ, sinh năm: 1961; A, chị, em: Có 04 người, bị cáo là người thứ 3; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2021 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh A; có mặt.

4. **Hồng Đ1** (Võ Văn Đ1), sinh năm: 1983 tại Việt Nam; Nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện K, tỉnh Kadal, V Campuchia; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Campuchia; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Võ Văn H3, sinh năm: 1920 (đã chết) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1928; A, chị, em: Có 05 người, bị cáo là người thứ tư; Vợ: Hồ Bé N2, sinh năm 1987; Có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2021 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh A; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Hoanh T*:*

- Luật sư Nguyễn Thị Kim A, là Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo.

Địa chỉ: Số F N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Luật sư Hồ Hoàng P, là luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo.

Địa chỉ: Số H Bis T, phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

- Luật sư Nguyễn Thành T3, là luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo.

Địa chỉ: Số C B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Văn T1*:*

- Luật sư Hồ Hoàng P là luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo.

Địa chỉ: Số H Bis T, phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

- Luật sư Nguyễn Thành T3 là luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo.

Địa chỉ: Số C B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo* Ath Bunh H*:* Luật sư Hồ Hoàng P là luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo.

Địa chỉ: Số H Bis T, phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo* Hồng Đ: Luật sư Hồ Hoàng P là luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh A bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo.

Địa chỉ: Số H Bis T, phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

* *Người bào chữa cho bốn bị cáo do Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ định:* Luật sư Vũ Thanh H4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

* *Người phiên dịch*: ông Chau Sóc X - Phiên dịch viên Phòng dân tộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh A; có mặt.

(Trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không kháng cáo, không liên quan đến việc kháng cáo, nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 20/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A tiến hành kiểm tra tại khu vực ấp A, xã K, huyện A, phát hiện ghe gỗ biển kiểm soát AG-21860 do Hồ N (Võ Văn Đ1) làm tài công với Ath Bunh H (V) là chủ phương tiện chở hàng hóa (đậu xanh nguyên hạt), không có hóa đơn, chứng từ, vận chuyển trái phép từ Campuchia về Việt Nam, đang đậu tại kho nông sản Nguyễn T để bốc vác hàng hóa lên kho; nên đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ tang vật là 355 bao đậu xanh nguyên hạt, có khối lượng 19.283,7kg (gồm 275 bao đựng đậu xanh còn trên ghe và 80 bao đựng đậu xanh vừa được đưa lên kho nông sản Nguyễn T). Qua điều tra ban đầu, Đ1 và H khai nhận số hàng hóa trên là của Nguyễn Hoanh T và Nguyễn Văn T1 (em của T) thuê vận chuyển từ Campuchia về Việt Nam để hưởng tiền công. Cùng ngày, T và T1 đến Công an xã K đầu thú. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đã tạm giữ T và T1 để xử lý, đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp kho nông sản Nguyễn T, thu giữ thêm 2.918 bao đựng đậu xanh, có khối lượng 174.840kg, là của Tha thu mua của nhiều người tại Campuchia và thương lái tại Việt Nam (khu vực biên giới), cùng với số đậu xanh mua của T4 và Công ty TNHH T10 để pha trộn bán lại kiếm lời.

Quá trình điều tra xác định: Năm 2015, Nguyễn Hoanh T đăng ký hộ kinh doanh Nguyễn T tại ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; ngành nghề kinh doanh: Mua bán hàng nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa), động vật sống, kê khai nộp thuế theo phương pháp khoán thuế. Trong quá trình kinh doanh, Tha chủ yếu thu mua các loại đậu nguyên hạt của nông dân, thương lái tại Việt Nam và người dân Campuchia mang lại kho Nguyễn T, sau đó T bán lại cho các cơ sở mua bán nông sản tại An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Long An và Thành phố Hồ Chí Minh; còn Nguyễn Văn T1 (em ruột T) thuê đất tại ấp K, xã P, huyện K, tỉnh Kadal, V Campuchia làm kho, để mua hàng nông sản, cho thuê bến lên, xuống hàng. Khoảng tháng 11/2020, do tình hình dịch bệnh Covid 19, tuyến biên giới có nhiều chốt chống dịch kiểm tra, người dân Campuchia

không chở đậu xanh sang Việt Nam bán, T bàn với T1 thu mua đậu xanh tại Campuchia, vận chuyển trái phép về kho nông sản của Tha qua đường tiểu ngạch, nhằm bán lại hưởng lợi. Để thực hiện, khi có người đem đậu xanh đến bán thì T1 hoặc Ath Bunh H (Võ Phước H1, làm thuê cho T1) báo cho T biết để mua lại, sau đó T1 kêu H1 sử dụng ghe gỗ biển kiểm soát AG218.60, chở đậu xanh từ kho của T1 tại Campuchia về kho nông sản của Tha bằng đường sông, mỗi chuyến T1 trả công cho H1 700.000 đồng. Từ ngày 15/4/2021 đến ngày 20/4/2021, T, T1 thu mua đậu xanh tại Campuchia, thuê Hậu vận chuyển trái phép mỗi ngày một chuyến đậu xanh về Việt Nam. Trong đó, từ ngày 17/4/2021, T1 điện thoại kêu thêm Hồng Điệp tham gia cùng với H1 điều khiển ghe chở đậu về Việt Nam, mỗi chuyến H1 trả cho Đ1 200.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 14/4/2021, T, T1, H1 thu mua khoảng 15 tấn (15.000kg) đậu xanh với giá 19.500đồng/kg. Đến khoảng 3 giờ ngày 15/4/2021, H1 điều khiển ghe biển kiểm soát AG - 21860 vận chuyển trái phép số đậu xanh trên từ kho của T1 về kho nông sản Nguyễn T . Số đậu xanh này, T chào bán cho Công ty TNHH T10 tại Long An với giá 20.000/kg, Tha thu lợi 3.000.000 đồng.

- Ngày 15/4/2021, T, T1, H1 thu mua được khoảng 15 tấn (15.000kg) đậu xanh với giá 19.500 đồng/kg, được Hậu vận chuyển trái phép về Việt Nam, bán lại cho Nguyễn Thị Kim T5 ngụ Khóm A, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, với giá 20.000/kg, Tha thu lợi 3.000.000 đồng.

- Ngày 16/4/2021, T, T1, H1 tiếp tục thu mua được khoảng 15 tấn (15.000kg) đậu xanh với giá 19.500đồng/kg, lần này T điện thoại cho H1 kêu thêm Đ1 vận chuyển đậu từ kho của T1 tại Campuchia về kho nông sản Nguyễn T . Sau đó, T chào bán số đậu này cho Thái Đức T6, tại số B, T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, với giá 20.000/kg, Tha thu lợi 3.000.000 đồng.

- Ngày 17/4/2021, T, T1, H1 thu mua được khoảng 15 tấn (15.000kg) đậu xanh với giá 19.500đồng/kg, được H1 và Điệp vận chuyển trái phép về Việt Nam, bán lại cho Chung Quốc H5, ngụ tại số B, Đỗ Ngọc T7, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 20.000/kg, Tha thu lợi 3.000.000 đồng.

- Ngày 18/4/2021, T, T1, H1 thu mua được khoảng 16 tấn (16.000kg) đậu xanh với giá 19.500đồng/kg, được H1 và Điệp vận chuyển trái phép về Việt Nam, bán lại cho Công ty TNHH T10 với giá 20.000đ/kg, Tha thu lợi 3.200.000 đồng.

- Ngày 19/4/2021, một phụ nữ Campuchia tên M (không biết địa chỉ cụ thể) điện thoại cho T chào bán đậu xanh khoảng 17-19 tấn, T đồng ý mua, thống nhất với M đem về Việt Nam cân lại trọng lượng cụ thể, xem đậu rồi sẽ tính giá. Sau đó, T điện thoại cho H1 chuyển đậu xuống ghe chờ sáng hôm sau chở về Việt Nam, H1 báo lại cho T1, để tính chi phí thuê bến, vận chuyển về Việt Nam và tiền T1 hưởng lợi. Khoảng 2 giờ 30 phút, ngày 20/4/2021, H1 và Đ1 điều khiển ghe gỗ biển kiểm soát AG-21860, vận chuyển trái phép số đậu xanh trên từ kho của T1 về kho nông sản Nguyễn T . Khi công nhân đang bốc vác đậu

xanh từ dưới ghe lên kho, thì lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang, thu giữ 355 bao đậu xanh nguyên hạt có khối lượng 19.283,7kg. Đồng thời, tiến hành khám xét khẩn cấp kho nông sản Nguyễn T thu giữ thêm 2.918 bao đựng đậu xanh có khối lượng 174.840kg do Tha thu mua của nhiều người tại Campuchia và thương lái tại Việt Nam (khu vực biên giới), cùng với số đậu xanh mua của T5 và Công ty TNHH T10 để pha trộn bán lại kiếm lời.

Trước đó, trong tháng 3/2021, T còn mua 20 tấn đậu xanh (20.000kg) với giá 18.5000 đồng của người phụ nữ tên T tại Campuchia, rồi thuê đối tượng tên S (không rõ họ, tên, địa chỉ) vận chuyển trái phép về Việt Nam bán lại cho Lâm Phi H6 với giá 19.000 đồng/kg, Tha thu lợi 4.000.000 đồng.

Qua điều tra còn xác định: Việc kinh doanh mua bán đậu xanh, Tha có thực hiện nghĩa vụ kê khai nộp thuế theo phương pháp khoán thuế nhưng không xuất hóa đơn chứng từ đầy đủ theo quy định, kê khai không đúng, không đầy đủ doanh thu hàng hóa bán ra và báo cáo thuế thấp hơn hàng hóa thực tế mua bán nhằm trốn thuế gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Từ năm 2015 đến năm 2019, T thu mua các loại đậu nguyên hạt của nông dân, thương lái tại Việt Nam và người dân Campuchia mang lại kho Nguyễn T bán, sau đó thông qua giới thiệu của Võ Thị N1 (mẹ của T), T đem bán cho Thái Đức T6, Chung Quốc H5, L, Lâm Phi H6, Nguyễn Thị Kim T5, Cao Thúy P1, Phạm Văn P2, Trần Vĩ S1, Nguyễn Hữu T8, Phan Huy L1 (Khỏe), Nguyễn Thị Á, Nguyễn Thị H7 với tổng doanh thu bán đậu là 69.657.570.000 đồng, được khách hàng trả tiền bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của T và Nguyễn Văn N (cha của T), trong đó chuyển vào tài khoản của N là 61.713.755.000 đồng, vào tài khoản của T là 7.943.815.000 đồng. Nhưng T chỉ kê khai doanh thu nộp thuế là 14.805.360.000 đồng, doanh thu chưa kê khai nộp thuế là 54.852.210.000 đồng. Tha đã trốn số tiền thuế phải nộp là 822.783.150 đồng, gồm thuế giá trị gia tăng là 548.522.100 đồng, thuế thu nhập cá nhân là 274.261.050 đồng.

*** Căn cứ kết luận định giá tài sản số 39 ngày 04/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh An Giang, xác định:**

- Ngày 20/4/2021: 3.273 bao đậu xanh nguyên hạt tạm giữ có khối lượng 194.123,7kg x 19.250 đồng/kg = **3.736.881.225 đồng**. Trong đó: 355 bao đậu xanh nguyên hạt có khối lượng 19.283,7kg x 19.250 đồng/kg = 371.211.225 đồng;

*** Căn cứ kết luận định giá tài sản số 04.22.07 ngày 15/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh An Giang, xác định:**

- Tháng 3/2021:

20.000kg đậu xanh nguyên hạt x 19.250 đồng/kg = 385.000.000 đồng;

- Ngày 15/4/2021:

15.000kg đậu xanh nguyên hạt x 19.250 đồng/kg = 288.750.000 đồng;

- Ngày 16/4/2021:

15.000kg đậu xanh nguyên hạt x 19.250 đồng/kg = 288.750.000 đồng;

- Ngày 17/4/2021:

15.000kg đậu xanh nguyên hạt x 19.250 đồng/kg = 288.750.000 đồng;

- Ngày 18/4/2021:

15.000kg đậu xanh nguyên hạt x 19.250 đồng/kg = 288.750.000 đồng;

- Ngày 19/4/2021:

16.000kg đậu xanh nguyên hạt x 19.250 đồng/kg = 308.000.000 đồng;

*** Căn cứ kết luận giám định số 02 ngày 10/6/2022 của** Cục thuế tỉnh A**, kết luận:**

- *Về xác định hành vi vi phạm pháp luật thuế:*

+ Theo số liệu do cơ quan Công an cung cấp, đối chiếu với Chi cục Thuế khu vực T11; xác định tổng số tiền mua bán đậu là 69.657.570.000 đồng; trong đó đã kê khai, nộp thuế là 14.805.360.000 đồng; doanh thu chưa kê khai thuế là 54.852.210.000 đồng.

+ Hộ kinh doanh Nguyễn T đã có hành vi không lập đầy đủ hóa đơn bán hàng hóa theo quy định của pháp luật; kê khai không đúng, kê khai không đầy đủ doanh thu hàng hóa bán ra nhằm làm giảm số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp; đây là hành vi trốn thuế của H8 kinh doanh Nguyễn T.

- *Về số tiền thuế gây thiệt hại gây ra cho Ngân sách nhà nước của* H8 *kinh doanh* Nguyễn T *là: 822.783.150 đồng. Gồm có thuế giá trị gia tăng 548.522.100 đồng, thuế thu nhập cá nhân 274.261.050 đồng.*

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 21-4-2023, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

Tuyên bố:

1. Bị cáo Nguyễn Hoanh T phạm tội "Buôn lậu" và "Trốn thuế".

2. Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Ath Bunh H (Võ Phước H1) và Hồng Đ (Võ Văn Đ1) phạm tội "Buôn lậu".

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoanh T 12 (mười hai) năm tù về tội "Buôn lậu" và 01 (một) năm tù về tội "Trốn thuế". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/4/2021.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2021.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58, Điều 37, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ath Bunh H (Võ Phước H1) 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/5/2021.

Trục xuất bị cáo ra khỏi lãnh thổ nước Cộng Hòa X Chủ Nghĩa Việt Nam sau khi chấp hành án xong.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 37; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hồng Đ (Võ Văn Đ1) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/5/2021.

Trục xuất bị cáo ra khỏi lãnh thổ nước Cộng Hòa X Chủ Nghĩa Việt Nam sau khi chấp hành án xong.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Cùng ngày 24/4/2023, các bị cáo Nguyễn Hoanh T, Nguyễn Văn T1, Ath Bunh H (Võ Phước H1) và Hồng Đ (Võ Văn Đ1) kháng cáo xin giảm hình phạt, vì mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo, là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt. Các bị cáo trình bày đã nhận thức rõ những sai phạm của mình; đồng ý với tội danh và điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng; ăn năn hối cải; ba bị cáo T1, H1 và Đ1 đã nộp số tiền thu lợi bất chính; các bị cáo đều có nhân thân tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giảm hình phạt, để yên tâm cải tạo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án:

Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm truy tố, xét xử cả bốn bị cáo phạm tội "Buôn lậu", với tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188; riêng bị cáo Nguyễn Hoanh T còn bị truy tố, xét xử về tội "Trốn thuế", với tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200, Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, là đúng pháp luật.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, tự thú các lần phạm tội trước. Đồng thời sau khi phạm tội, bị cáo T, T1 tự nguyện đầu thú. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại

điểm r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo là đúng pháp luật.

Bị cáo T đã tác động gia đình nộp khắc phục toàn bộ số tiền trốn thuế 822.783.150 đồng và 19.200.000 đồng tiền thu lợi bất chính, nên áp dụng thêm cho bị cáo T tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Hoanh T 12 (mười hai) năm tù về tội "Buôn lậu" và 01 (một) năm tù về tội "Trốn thuế". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 13 (mười ba) năm tù, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 08 (tám) năm tù, xử phạt bị cáo Ath Bunh H (Võ Phước H1) 07 (bảy) năm tù, xử phạt bị cáo Hồng Đ (Võ Văn Đ1) 04 (bốn) năm tù, là có căn cứ.

Các bị cáo T1, H1 và Đ1 nộp tiền thu lợi bất chính, đây là tình tiết mới tại giai đoạn xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, các bị cáo đều thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên (điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự). Do đó, không có căn cứ giảm hình phạt đối với bốn bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bốn bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nêu trên.

Luật sư Vũ Thanh H4 *trình bày quan điểm bào chữa cho bốn bị cáo:* Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản áp dụng. Tuy nhiên, các bị cáo nhân thân tốt; đều là những người lao động; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả; bốn bị cáo tự thú các lần phạm tội khác; T và T1 đầu thú; các bị cáo đều còn trẻ, đều là trụ cột gia đình, nhất là bị cáo T là chủ doanh nghiệp, giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bốn bị cáo.

Các Luật sư Nguyễn Thị Kim A, Hồ Hoàng P *và* Nguyễn Thành T3*, trình bày quan điểm bào chữa cho các bị cáo* T, T1, H1, Đ1 *đều có chung quan điểm:*

- Về tội danh: thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát, không tranh luận.

- Về hình phạt đối với tội buôn lậu: luật sư Nguyễn Thành T3 không thống nhất Viện kiểm sát truy tố các bị cáo ở khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự vì số lượng đậu xanh bị bắt quả tang vào ngày 20/4/2021 chỉ có 355 bao với khối lượng 19.283,7kg x 19.250 đồng/kg = 371.211.225 đồng. Những lần phạm tội trước đó do bị cáo tự khai nhận, nên chỉ xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, việc Cơ quan điều tra cộng dồn các lần phạm tội này để làm tình tiết tăng nặng định khung đối với các bị cáo, là chưa thỏa đáng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thái độ khai báo của các bị cáo vì tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo còn mơ hồ về hành vi phạm tội của mình, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều hiểu rõ sai phạm của mình; thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Ba bị cáo T1, H1 và Đ1 đã nộp số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo T

từ giai đoạn điều tra, đã tích cực tác động gia đình nộp đủ số tiền thu lợi bất chính của tội buôn lậu và số tiền trốn thuế. Trước khi phạm tội, quá trình chung sống tại địa phương, các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách địa phương. Tuy nhiên, khi dịch bệnh, các bị cáo mới mua bán hàng hóa không có hóa đơn. Khi bị phát hiện, các bị cáo T1, T đã đầu thú, bốn bị cáo tự thú về các hành vi phạm tội trước đó. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

Các bị cáo không bào chữa bổ sung, chỉ xin giảm hình phạt.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để sớm trở về tiếp tục lao động, làm công dân có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoanh T, Nguyễn Văn T1, Ath Bunh H (Võ Phước H1) và Hồng Đ (Võ Văn Đ1) là hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

- Về hành vi buôn lậu:

Bị cáo Nguyễn Hoanh T thành lập hộ kinh doanh Nguyễn T tại địa bàn ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. Nhằm thu mua đậu xanh ở Campuchia, bị cáo đã cùng Nguyễn Văn T1 thuê đất tại ấp K, xã P, huyện K, tỉnh Kadal, V Campuchia cất làm kho, sau khi thu gom đậu xanh tại đây, bị cáo thuê H1 sử dụng ghe biển kiểm soát AG 218.60 vận chuyển trái phép đậu xanh thu mua về kho nông sản của bị cáo tại Việt Nam để bán lại cho các hộ kinh doanh khác kiếm lời. Khoảng tháng 11/2020 do tình hình dịch bệnh Covid 19, nhiều chốt chống dịch kiểm tra, người dân Campuchia không chở đậu xanh sang Việt Nam bán được, T bàn với T1 thu mua đậu xanh tại Campuchia nhập vào kho nói trên, rồi thuê Hậu vận c về kho nông sản của Tha ở Việt Nam trái phép qua đường tiểu ngạch, nhằm bán lại hưởng lời. Để thực hiện, khi có người đem đậu xanh đến bán thì T1, hoặc H1 chụp hình ảnh Zalo mẫu mã đậu xanh gởi về Việt Nam cho T, đồng thời cũng báo giá từng lô hàng đậu xanh, khi T đồng ý thì sẽ tiến hành mua và vận chuyển về Việt Nam cho T. Từ ngày 15/4/2021 đến ngày 20/4/2021, T, T1 thu mua đậu xanh tại Campuchia, rồi thuê Hậu vận chuyển trái phép mỗi ngày một chuyến đậu xanh về Việt Nam. Từ ngày 17/4/2021, thuê thêm Hồng Đ tham gia cùng với H1, vận chuyển trái phép đậu xanh về Việt Nam. Ngoài ra, Nguyễn Hoanh T còn khai nhận, trong tháng 3/2021, T còn mua 20 tấn đậu xanh (20.000kg) với giá 18.5000 đồng của người phụ nữ tên T tại Campuchia, rồi thuê đối tượng tên S (không rõ họ, tên, địa chỉ) vận chuyển trái

phép về Việt Nam, bán lại cho Lâm Phi H6 với giá 19.000 đồng/kg, Tha thu lợi 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận những lần phạm tội như sau:

- Bị cáo Nguyễn Hoanh T thực hiện 07 lần, bao gồm tổng số lượng hàng hóa buôn lậu là 115.283,7kg đậu xanh nguyên hạt, tổng giá trị là 2.219.211.225 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Ath Bunh H (Võ Phước H1) thực hiện 06 lần, tổng số lượng hàng hóa buôn lậu là 95.283,7kg đậu xanh nguyên hạt, tổng trị giá là 1.834.211.225 đồng.

- Bị cáo Hồng Đ thực hiện 04 lần, tổng số lượng hàng hóa buôn lậu là 65.283,7kg đậu xanh nguyên hạt, trị giá là 1.256.711.225 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Hoanh T, Nguyễn Văn T1, Ath Bunh H và Hồng Đ phạm tội "Buôn lậu", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là đúng pháp luật.

Quan điểm của Luật sư Nguyễn Thành T3 cho rằng các bị cáo chỉ phạm tội "Buôn lậu" tại khoản 2 Điều 188 Bộ luật hình sự là không có căn cứ.

- Về hành vi trốn thuế:

Trong quá trình kinh doanh mua bán đậu xanh tại cơ sở Nguyễn T, bị cáo T đã nhiều lần mua bán đậu xanh không xuất hóa đơn chứng từ đầy đủ theo quy định, kê khai doanh số hàng hóa mua vào, doanh thu hàng hóa bán ra không đúng, báo cáo thuế thấp hơn hàng hóa thực tế mua bán nhằm trốn tránh thuế, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Qua giám định của cơ quan thuế, số tiền bị cáo trốn thuế là 822.783.150 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hoanh T phạm tội "Trốn thuế", tội danh và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ.

[2.2]. Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T thực hiện hành vi buôn lậu 07 lần, các bị cáo T1, H thực hiện hành vi giúp sức cho T 06 lần, bị cáo Đ thực hiện hành vi giúp sức 04 lần, trong đó mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, và chưa bị xử lý, nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Do đó, T9 án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đối với các bị cáo là đúng pháp luật.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú các lần phạm tội trước. Đồng thời, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo T, T1 tự nguyện đến Công an đầu thú. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo là đúng pháp luật. Riêng bị cáo T được gia đình nộp khắc phục toàn bộ số tiền trốn thuế 822.783.150 đồng và 19.200.000 đồng tiền thu lợi bất chính, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm cho bị cáo T tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoanh T, mặc dù có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng bị cáo có ba tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 (mười hai) năm tù về tội "Buôn lậu", 01 (một) năm tù về tội "Trốn thuế" là có phần nghiêm khắc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải của mình. Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang có văn bản xác nhận Nguyễn Hoanh T là lao động chính, nuôi hai con nhỏ đang đi học, đóng góp xã hội, từ thiện cho địa phương trước khi phạm tội. Bị cáo là chủ doanh nghiệp, tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, giảm một phần hình phạt cho bị cáo đối với cả hai tội, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Ath Bunh H (Võ Phước H1) Hồ N (Võ Văn Đ1), mặc dù đều có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng các bị cáo đều có hai tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Văn T1 8 (tám) năm tù, Ath Bunh H (Võ Phước H1) 07 (bảy) năm tù và Hồng Đ (Võ Văn Đ1) 04 (bốn) năm tù, là đúng pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo chỉ là người làm thuê, phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, đặc biệt là bị cáo Đ1 có vai trò giúp sức không đáng kể; tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải của mình; đồng thời, ba bị cáo đều tác động gia đình nộp đủ số tiền thu lợi bất chính, là tình tiết mới tại giai đoạn xét xử phúc thẩm; Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang có văn bản xác nhận Nguyễn Văn T1 là lao động chính, nuôi hai con nhỏ đang đi học, đóng góp xã hội, từ thiện cho địa phương trước khi phạm tội. Bị cáo H1 và Đ1 là người Campuchia, nên nhận thức pháp luật Việt Nam hạn chế. Các bị cáo đều là những người lao động, trụ cột gia đình, tuổi đời còn trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng có căn cứ giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[2.3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không được chấp nhận.

[2.4]. Quan điểm của các luật sư bào chữa xin giảm hình phạt cho các bị cáo, được chấp nhận.

[2.5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.6]. Về án phí phúc thẩm hình sự:

Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Hoanh T, Nguyễn Văn T1, Ath Bunh H (Võ Phước H1), Hồng Đ (Võ Hồng Đ2) không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 355; Điều 357 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoanh T, bị cáo Nguyễn Văn T1, bị cáo Ath Bunh H (Võ Phước H1), bị cáo Hồng Đ2 (Võ Văn Đ1).

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Hoanh T 10 (mười) năm tù về tội "Buôn lậu" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Trốn thuế". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/4/2021.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (bảy) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2021.

2.3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58, Điều 37, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Ath Bunh H (Võ Phước H1) 06 (sáu) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù được tính từ ngày 11/5/2021.

Trục xuất bị cáo ra khỏi lãnh thổ nước C, sau khi chấp hành án xong.

2.4. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 37; Điều 38; Điều 58; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Hồng Đ2 (Võ Văn Đ1) 03 (ba) năm tù về tội "Buôn lậu". Thời hạn tù được tính từ ngày 11/5/2021.

Trục xuất bị cáo ra khỏi lãnh thổ nước C, sau khi chấp hành án xong.

3. Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Ath Bunh H (Võ Phước H1), Hồng Đ2 (Võ Văn Đ1) đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã nộp 1.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000111 ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- Bị cáo Ath Bunh H (Võ Phước H1) đã nộp 2.900.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000112 ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- Bị cáo Hồng Đ2 (Võ Văn Đ1) đã nộp 600.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000113 ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Hoanh T, Nguyễn Văn T1, Ath Bunh H (Võ Phước H1), Hồng Đ2 (Võ Hồng Đ2) không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy **Dương Tuấn Vinh** **Nguyễn Thị Thúy Hòa**